

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 481/2023/DS-ST

Ngày: 21 - 9 - 2023

V/v tranh chấp di sản thừa kế

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tân Quang

2. Bà Lê Thị Thu Trà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương - là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 372/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 582/2023/QĐXXST - DS ngày 24 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Ngọc S, sinh năm 1957; địa chỉ: 1 L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông S: Bà Bùi Thị Hồng V – Luật sư – Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Thành phố H.

Bị đơn: Ông Hoàng Ngọc L; địa chỉ: H V, Phường A, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hoàng Ngọc H; địa chỉ: P, chung cư N, số D N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Hoàng Thị H1; địa chỉ: A C, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Hoàng Thị V1; địa chỉ: 9 N, Khu phố D, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Hoàng Thị T; địa chỉ: D L, tổ C, khu phố C, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Hoàng Thị D; địa chỉ: 1 N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị L1; địa chỉ: A Đ, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Trần Thị N, sinh năm 1964;
- Bà Hoàng Thị Ngọc Q, sinh năm 1987;
- Ông Hoàng Hào H2, sinh năm 1988;
- Chị Hoàng Thị Ngọc P, sinh năm 1991;
- Chị Hoàng Thị Huyền D1, sinh năm 1997;
- Trẻ Hoàng T1, sinh ngày 01/11/2007;
- Trẻ Hoàng Quang V2, sinh ngày 21/01/2013;
- Trẻ Hoàng Quang A, sinh ngày 16/5/2016;
- Trẻ Hoàng Uyển N1, sinh ngày 15/11/2017;

Các trẻ Thuyền, V2, A và N1 có bà Hoàng Thị Ngọc Q (mẹ ruột) là người đại diện theo pháp luật.

Cùng địa chỉ: 1 L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – ông Hoàng Ngọc S trình bày: Ba của ông là ông Hoàng Ngọc K và mẹ của ông là bà Nguyễn Thị H3 chung sống với nhau có 8 người con chung gồm: Hoàng Ngọc H, Hoàng Ngọc S, Hoàng Thị H1, Hoàng Ngọc L, Hoàng Thị V1, Hoàng Thị T, Hoàng Ngọc T2 (chết năm 1995, khi chết độc thân) và Hoàng Thị D. Ngoài ra, ba của ông có người con riêng là bà Nguyễn Thị L1. Khi còn sống, ba mẹ của ông có tạo lập tài sản chung là căn nhà số A L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hồ sơ gốc 237/2003 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 28/5/2003. Giấy chứng nhận này do Ủy ban nhân dân quận T đang giữ do còn thiếu tiền thuế nhà nước. Ba của ông chết ngày 30/6/2002, mẹ của ông chết ngày 15/7/2009, cả hai người khi chết đều không lập di chúc. Ông bà nội và ông bà ngoại của ông đều đã chết và không có giấy chứng tử. Sau khi ba mẹ của ông chết, gia đình ông và gia đình ông Hoàng Ngọc L cùng chung sống tại căn nhà là tài sản thừa kế của ba mẹ. Tuy nhiên, ông L thường xuyên gây gổ, kiếm chuyện và dẫn đến nhiều lần 2 gia đình đánh nhau gây nên mối bất hòa không thể giải quyết. Do đó, nay ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa phân chia di sản thừa kế là nhà và đất tại số A L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo pháp luật. Ông yêu cầu chia cho ông 1/7 giá trị di sản thừa kế căn cứ theo biên bản định giá do hội đồng định giá đã thực hiện sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn – ông Hoàng Ngọc L trình bày: Cha của ông là Hoàng Ngọc K, sinh 1920, mất ngày 30/6/2002, mẹ là bà Nguyễn Thị H3, sinh 1927, mất ngày 15/6/2009. Ba mẹ của ông có các người con: Bà Nguyễn Thị L1 – sinh năm 1947 (là con riêng của ông K), ông Hoàng Ngọc H, ông Hoàng Ngọc S, bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị V1, bà Hoàng Thị T, ông Hoàng Ngọc T2 (đã mất không có vợ con), bà Hoàng Thị D và ông. Ba mẹ của ông khi mất có để lại tài sản là căn nhà 1 L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông đề nghị cử 1 thành viên đứng ra bán hoặc đăng ký mua bán với công ty bất động sản bán căn nhà trên với giá 16.000.000.000 đồng và chia di sản thừa kế theo hình thức không có di chúc sau khi hợp thức hóa đầy đủ và nộp nghĩa vụ thuế. Ông cũng mong các thành viên khác cũng đồng ý để kết thúc vụ án.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

- Bà Nguyễn Thị L1, ông Hoàng Ngọc H, bà Hoàng Thị V1, bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị D cùng trình bày: Các ông bà thống nhất ông Hoàng Ngọc K và bà Nguyễn Thị H3 có các người con gồm: Bà Nguyễn Thị L1 (là con riêng của ông K), ông Hoàng Ngọc H, ông Hoàng Ngọc S, bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị V1, ông Hoàng Ngọc L, bà Hoàng Thị T, ông Hoàng Ngọc T2 (đã mất không có vợ con) và bà Hoàng Thị D. Di sản thừa kế là căn nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ: 1 L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Các ông bà cũng thống nhất chia di sản thừa kế theo pháp luật, giá trị di sản thừa kế căn cứ theo biên bản định giá do hội đồng định giá đã thực hiện sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế, phí đối với nhà nước. Các ông bà cũng đồng ý chịu chi phí định giá tài sản do ông S và bà D đã tạm ứng.

- Bà Hoàng Thị H1 trình bày ý kiến: Bà đồng ý cùng các thành viên có liên quan cùng chịu các mức phí làm sổ đỏ, sổ hồng theo quy định.

- Bà Trần Thị N trình bày: Bà là vợ của ông S. Bà và các con dọn về ở tại căn nhà 1 L, Phường A, quận T từ năm 1995 cùng với gia đình ông L. Đến khoảng tháng 5/2019 thì gia đình ông L chuyển đi. Trong quá trình ở tại đây, bà và ông S có sửa chữa nhỏ, không có gì lớn và đây là tài sản thừa kế của gia đình ông S nên bà không có bất kỳ yêu cầu hay tranh chấp gì. Bà đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo pháp luật.

- Ông Hoàng Hào H2, bà Hoàng Thị Ngọc P, bà Hoàng Thị Huyền D1 và bà Hoàng Thị Ngọc Q (bà Q đồng thời là đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là trẻ Hoàng T1, trẻ Hoàng Quang V2, trẻ Hoàng Quang A và trẻ Hoàng Uyên N1) trình bày: Các ông bà là con của ông S và bà N. Trong quá trình sống tại đây, các ông bà không có sự đóng góp nào vào di sản thừa kế này cũng như không có bất kỳ yêu cầu hay tranh chấp gì tuy nhiên những mâu thuẫn phát sinh với gia đình ông L rất mệt mỏi nên ông bà đề nghị Tòa sớm giải quyết để và tránh điều đáng tiếc có thể xảy ra và gia đình ổn định cuộc sống.

Do các đương sự không có mặt đầy đủ và không thống nhất, thỏa thuận được cách giải quyết nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa ngày 21/9/2023:

Nguyên đơn trình bày: Ông bà nội và ông bà ngoại của ông đều đã chết ở ngoài Bắc trước khi ông sinh ra. Nhiều lần anh em trong nhà thỏa thuận giải quyết nhưng không có kết quả nên ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông và các ông bà: Hoàng Ngọc H, Hoàng Thị H1, Hoàng Thị V1, Hoàng Ngọc L, Hoàng Thị D, Hoàng Thị T mỗi người sẽ được chia một phần bằng nhau trong di sản thừa kế của ông K, bà H3 sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, phí còn thiếu. Bà Nguyễn Thị L1 chỉ được chia trong phần di sản thừa kế của ông K. Riêng về khoản chi phí đo vẽ và định giá tài sản do ông đã tạm ứng trong quá trình Tòa án giải quyết thì ông tự nguyện chịu.

Bị đơn vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

Bà Hoàng Thị V1, bà Hoàng Thị T và bà Hoàng Thị D thống nhất trình bày: Từ trước đến nay các bà không biết ông bà nội, ngoại chỉ nghe nói là đã chết. Do các anh em không thể thỏa thuận nên yêu cầu Tòa giải quyết theo pháp luật. Riêng bà Hoàng Thị V1 tự nguyện chịu chi phí định giá lần 2 do bà đã tạm ứng.

Ông Hoàng Ngọc H trình bày: Ông bà nội của ông là ông Hoàng Văn C, bà Nguyễn Thị T3 và ông bà ngoại của ông là ông Nguyễn Khắc T4 và bà Nguyễn Thị N2 ông không biết chính xác còn sống hay đã chết nhưng từ trước đến nay ông chưa hề gặp. Trước đây, ông là người sống cùng ba mẹ và có đóng góp trong di sản thừa kế này nhiều nhất nhưng ông không có tranh chấp hay yêu cầu gì. Ông chỉ yêu cầu Tòa giải quyết chi di sản thừa kế theo pháp luật.

Bà Trần Thị N không có yêu cầu gì, chỉ mong Hội đồng xét xử giải quyết theo yêu cầu của ông S.

Ông Hoàng Hào H2, bà Hoàng Thị Ngọc P, bà Hoàng Thị Huyền D1 và bà Hoàng Thị Ngọc Q có đơn xin vắng mặt.

Bà Hoàng Thị H1, bà Nguyễn Thị L1 vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định tại Điều 177 và 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa. Về thời hạn xét xử có vi phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự tuy nhiên không thay đổi bản chất vụ án nên chỉ nêu rút kinh nghiệm.

- Về nội dung vụ án: Qua kiểm sát vụ án tại phiên tòa, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày, tranh luận của các đương sự có mặt tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế theo pháp luật là căn nhà và thửa đất tại địa chỉ 1 L, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là căn nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ 1 L Phường A, quận T. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp về thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối tượng tranh chấp là bất động sản tọa lạc tại quận T và bị đơn đang cư trú tại quận T. Xét việc khởi kiện của nguyên đơn phù hợp

với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[1.2] *Về sự có mặt của Viện kiểm sát, đương sự tham gia tố tụng:* Do Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ông Hoàng Ngọc K và bà Nguyễn Thị H3 chung sống với nhau có các người con chung gồm ông Hoàng Ngọc H, ông Hoàng Ngọc S, bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị V1, bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị D, ông Hoàng Ngọc T2 (đã mất không có vợ con) và ông Hoàng Ngọc L. Tuy ba mẹ của ông K, bà H3 không có giấy chứng tử nhưng các đồng thừa kế đều không tranh chấp về hàng thừa kế nên không có căn cứ đưa vào tham gia tố tụng. Do ông S là nguyên đơn, ông L là bị đơn nên cần thiết đưa các ông bà gồm ông H, bà H1, bà V1, bà D và bà T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Bà Nguyễn Thị L1 là con riêng của ông Hoàng Ngọc K nên cần thiết đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ông Hoàng Ngọc T2 đã chết trước ông K và bà H3 và không có vợ, con nên không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bà Trần Thị N, ông Hoàng Hào H2, bà Hoàng Thị Ngọc P, bà Hoàng Thị Huyền D1, bà Hoàng Thị Ngọc Q và trẻ Hoàng T1, trẻ Hoàng Quang V2, trẻ Hoàng Quang A và trẻ Hoàng Uyển N1 là những người hiện đang cư trú tại di sản thừa kế có tranh chấp nên cần thiết đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn – ông Hoàng Ngọc L và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị H1 và bà Nguyễn Thị L1 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Ông Hoàng Hào H2, bà Hoàng Thị Ngọc P, bà Hoàng Thị Huyền D1, bà Hoàng Thị Ngọc Q, trẻ Hoàng T1, trẻ Hoàng Quang V2, trẻ Hoàng Quang A và trẻ Hoàng Uyển N1 có đơn đề nghị vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có tên như trên và dành quyền kháng cáo theo quy định.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét yêu cầu của ông Hoàng Ngọc S về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật là căn nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ 1 L, Phường A, quận T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có số hồ sơ gốc 237/2003/2002 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 28/5/2003 thì ông Hoàng Ngọc K (chết năm 2002) và bà Nguyễn Thị H3 (chết năm 2009) là người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại căn nhà trên. Do vậy, sau khi ông K, bà H3 chết, căn nhà và thửa đất này được xác định là di sản thừa kế do ông K và bà H3 để lại. Phía ông K và bà H3 chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế này sẽ được chia theo pháp luật.

Căn cứ Điều 33, khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở nêu trên là tài sản chung hợp nhất của ông K và bà H3, phần sở hữu của mỗi người là 1/2 giá trị tài sản này.

Tòa án đã thông báo cho các đương sự về giá trị di sản thừa kế theo kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 22/12/2020 là 12.579.000.000 đồng và đã được định giá lại ngày 12/4/2022 nhưng không có sự thay đổi về giá. Xét trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự không có yêu cầu gì về kết quả định giá. Do đó, hội đồng xét xử căn cứ vào giá nêu trên để làm cơ sở giải quyết.

Tuy nhiên, theo Công văn số 1191/UBND-ĐT ngày 12/7/2021 của Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận T hiện đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 237/2003 ngày 28/5/2003 và sẽ giao bản chính ngay khi thực hiện nghĩa vụ tài chính và theo Công văn số 10026/CCTB-TBTK ngày 24/7/2023 của Chi cục thuế quận T thì tạm tính đến thời điểm ngày 24/7/2023 các khoản tiền phải nộp liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất trên gồm: Lệ phí trước bạ nhà đất: 12.691.741 đồng và tiền sử dụng đất là 455.812.500 đồng. Theo khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: "Những người thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác". Do đó, phần nghĩa vụ này sẽ được chia vào giá trị di sản thừa kế trước khi chia theo pháp luật. Giá trị di sản thừa kế để chia là: 12.579.000.000 đồng – 468.504.241 đồng (12.691.741 đồng + 455.812.500 đồng) = 12.284.208.057 đồng

Do ông K chết trước, nên những người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của ông K gồm: Bà Nguyễn Thị H3 (vợ) và các con gồm: Bà Nguyễn Thị L1, ông Hoàng Ngọc H, bà Hoàng Thị H1, ông Hoàng Ngọc S, bà Hoàng Thị V1, ông Hoàng Ngọc L, bà Hoàng Thị T và bà Hoàng Thị D. Như vậy, mỗi người sẽ được hưởng kỷ phần thừa kế là: 1/9 của 1/2 giá trị di sản thừa kế ($12.284.208.057 \text{ đồng} / 2 = 6.142.104.028,5 \text{ đồng}$) là 1/18 di sản thừa kế, tương ứng số tiền 682.456.003, 166 đồng. Do bà H3 cũng đã chết nên bà H3 cũng không còn trong danh sách những người thuộc hàng thừa kế của ông K tại thời điểm thi hành án nhưng kỷ phần thừa kế bà được chia từ ông K sẽ cộng vào phần di sản thừa kế của bà H3.

Di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị H3 là: 1/18 (được chia từ di sản của ông K) và 1/2 giá trị tài sản chung = 5/9 di sản thừa kế, tương ứng số tiền 6.824.560.031,6 đồng. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H3 gồm: Ông Hoàng Ngọc H, bà Hoàng Thị H1, ông Hoàng Ngọc S, bà Hoàng Thị V1, ông Hoàng Ngọc L, bà Hoàng Thị T và bà Hoàng Thị D. Như vậy, mỗi người sẽ được hưởng kỷ phần thừa kế của bà H3 là: $5/9 : 7 = 5/63$ di sản thừa kế, tương ứng số tiền 974.937.147,38 đồng.

Ông Hoàng Ngọc H, bà Hoàng Thị H1, ông Hoàng Ngọc S, bà Hoàng Thị V1, ông Hoàng Ngọc L, bà Hoàng Thị T và bà Hoàng Thị D mỗi người sẽ được nhận tổng kỷ phần thừa kế là: $1/18 + 5/63 = 17/126$ di sản thừa kế, tương ứng số tiền 1.657.393.151 đồng.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Không có đương sự nào có yêu cầu nhận quyền sử dụng đất và sở hữu nhà và hoàn kỷ phần di sản thừa kế tương ứng cho những người thừa kế khác nên sẽ phát mãi di sản thừa kế để thi hành án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.3] Về chi phí đo vẽ, định giá tài sản: Ông S tự nguyện chịu chi phí ông đã tạm ứng để thực hiện việc đo vẽ và định giá lần 1; bà V1 tự nguyện chịu chi phí định giá lần 2. Do hai người này tự nguyện chịu và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo mức tương ứng với giá trị di sản được hưởng.

Do ông Hoàng Ngọc S, bà Nguyễn Thị L1, ông Hoàng Ngọc H, bà Hoàng Thị H1, ông Hoàng Ngọc L có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí đối với người trên 60 tuổi nên được miễn nộp án phí.

Bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị D phải chịu án phí theo khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 33, khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ các Điều 611, 612, khoản 1 Điều 615, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – ông Hoàng Ngọc S:

1.1/ Xác định căn nhà và thửa đất tại địa chỉ số A L, Phường A, quận T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số hồ sơ gốc 237/2003/2002 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 28/5/2003 là di sản thừa kế của ông Hoàng Ngọc K và bà Nguyễn Thị H3 để lại.

1.2/ Hàng thừa kế thứ 1 của ông Hoàng Ngọc K là: Bà Nguyễn Thị L1, ông Hoàng Ngọc H, bà Hoàng Thị H1, ông Hoàng Ngọc S, bà Hoàng Thị V1, ông Hoàng Ngọc L, bà Hoàng Thị T và bà Hoàng Thị D.

1.3/ Hàng thừa kế thứ 1 của bà Nguyễn Thị H3 là: Ông Hoàng Ngọc H, bà Hoàng Thị H1, ông Hoàng Ngọc S, bà Hoàng Thị V1, ông Hoàng Ngọc L, bà Hoàng Thị T và bà Hoàng Thị D.

1.4/ Bà Nguyễn Thị L1 được hưởng 1/18 (hoặc 7/126) giá trị di sản thừa kế tại thời điểm thi hành án sau khi trừ các nghĩa vụ, chi phí liên quan đến di sản thừa kế phải nộp theo quy định.

1.5/ Ông Hoàng Ngọc H, bà Hoàng Thị H1, ông Hoàng Ngọc S, bà Hoàng Thị V1, ông Hoàng Ngọc L, bà Hoàng Thị T và bà Hoàng Thị D được hưởng 17/126 giá trị di sản thừa kế tại thời điểm thi hành án sau khi trừ các nghĩa vụ, chi phí liên quan đến di sản thừa kế phải nộp theo quy định.

1.6/ Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, một trong những người được chia di sản thừa kế được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi di sản thừa kế nêu trên.

1.7/ Ghi nhận việc ông Hoàng Ngọc S và bà Hoàng Thị V1 tự nguyện chịu chi phí do vẽ và chi phí định giá đã được thực hiện.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L1, ông Hoàng Ngọc S, ông Hoàng Ngọc H, bà Hoàng Thị H1, bà Hoàng Thị V1, ông Hoàng Ngọc L được miễn nộp án phí.

Bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị D phải chịu án phí là 61.721.795 đồng (Sáu mươi một triệu bảy trăm hai mươi một ngàn bảy trăm chín mươi lăm đồng) .

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn là ông Hoàng Ngọc S, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Ngọc H, bà Hoàng Thị V1, bà Hoàng Thị T, bà Hoàng Thị D và bà Trần Thị N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là ông Hoàng Ngọc L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L1, bà Hoàng Thị H1, ông Hoàng Hào H2, bà Hoàng Thị Ngọc P, bà Hoàng Thị Huyền D1, bà Hoàng Thị Ngọc Q, trẻ Hoàng T1, trẻ Hoàng Quang V2, trẻ Hoàng Quang A và trẻ Hoàng Uyên N1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo

